

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2010/QĐ-UBND

Điện Biên Phủ, ngày 04 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước đối với
các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND - UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Pháp lệnh số: 32/2001/PL-UBTV QH10 ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số: 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số: 115/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số: 195/2010/NQ-HĐND ngày 16/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua quy định phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; mức thu thủy lợi phí, tiền nước; sửa đổi chính sách đầu tư hỗ trợ kênh loại 3 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức thu thủy lợi phí, tiền nước đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 kể từ ngày ký và thay thế nội dung Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 20/2005/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thu và sử dụng thủy lợi phí cho các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Công ty TNHH Quản lý thủy nông Điện Biên, Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ thủy lợi tỉnh Điện Biên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Nhân

QUY ĐỊNH**Mức thu thủy lợi phí, tiền nước đối với các công trình
thủy lợi trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2010
của UBND tỉnh Điện Biên)*

I. QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Quy định vị trí công đầu kênh nội đồng.**

- Công đầu kênh nội đồng là hạng mục công trình thuộc hệ thống công trình thủy lợi có nhiệm vụ lấy nước vào hệ thống kênh của tổ chức hợp tác dùng nước (kênh nội đồng).

- Đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Điện Biên vị trí công đầu kênh nội đồng được quy định như sau:

+ Đối với hệ thống đại thủy nông Nậm Rốm: Là các công chia nước từ kênh cấp II (các tuyến T_i hoặc N_i).

+ Đối với các công trình thủy lợi còn lại: Là các công chia nước từ kênh chính.

Điều 2. Quy định về thủy lợi phí và tiền nước

- Thủy lợi phí là phí dịch vụ về nước được thu từ tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi cho mục đích sản xuất nông nghiệp để bù đắp các chi phí trong quá trình quản lý, duy tu, bảo dưỡng và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Tiền nước là giá tiền trong hợp đồng dịch vụ về nước thu từ tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi ngoài mục đích sản xuất lúa nước.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ MỨC THU THỦY LỢI PHÍ, TIỀN NƯỚC**Điều 3. Mức thu thủy lợi phí, tiền nước đối với công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:**

Đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Điện Biên mức thu thủy lợi phí, tiền nước được quy định như sau:

** Biểu 1: mức thu thủy lợi phí đối với đất trồng lúa nước:*

TT	Công trình và biện pháp công trình	Mức thu (x 1000 đồng/ha/vụ)
1	Các công trình thuộc hệ thống đại thủy nông Nậm Rốm	
1.1	Tưới tự chảy từ kênh thủy nông Nậm Rốm (Từ hồ Pa Khoang - đập Nậm Rốm - kênh chính - kênh cấp I - kênh cấp II tới cống đầu kênh nội đồng).	566
1.2	Tưới tự chảy của các công trình khác	566
1.3	Tưới bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ (kênh trạm bơm Nậm Thanh)	635
2	Các công trình còn lại trong tỉnh (từ đầu mội tới cống đầu kênh nội đồng)	
	- Tưới tiêu bằng động lực (đầu mội là trạm bơm)	670
	- Tưới tiêu bằng trọng lực (đầu mội là hồ chứa nước, đập dâng nước, cửa lấy nước)	566
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	635

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì thu bằng 60% mức phí trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì thu bằng 40% mức phí trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì thu bằng 50% mức phí trên.

- Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức thu thủy lợi phí bằng 40% mức thủy lợi phí đối với đất trồng lúa.

* *Biểu 2: mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi (không phải sản xuất lương thực):*

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị tính	Thu theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước dùng sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp	đồng/m ³	1.500	750
2	Cấp nước cho nhà máy nước sinh hoạt, chăn nuôi	đồng/m ³	1.100	750
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	850	700
4	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	700	500
		đồng/m ² /mặt thoáng	2.500	2.500

5	- Nuôi trồng thủy sản tại công trình hồ chứa thủy lợi	% Giá trị sản lượng vụ	-	7%
	- Nuôi cá bè	% Giá trị sản lượng vụ	-	8%
6	Sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	-	8%
7	Sử dụng CTTL để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí	% tổng giá trị doanh thu/năm	-	10%

- Trường hợp lấy nước theo khối lượng (m³) thì mức tiền nước được tính từ vị trí nhận nước của tổ chức, cá nhân sử dụng nước.

- Mức thu thủy lợi phí quy định tại biểu 1 và mức thu tiền nước tại biểu 2 được tính từ vị trí cống đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mỗi của công trình thủy lợi.

Điều 4. Mức thu thủy lợi phí, tiền nước đối với công trình đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc có một phần vốn ngân sách nhà nước.

Mức thủy lợi phí do đơn vị quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thỏa thuận với hộ dùng nước và không được vượt quá mức trần quy định tại biểu 1, biểu 2, mục II, quy định này.

Điều 5. Mức phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh nội đồng đến mặt ruộng.

Mức phí dịch vụ lấy nước là chi phí do tổ chức, cá nhân sử dụng nước trả cho các dịch vụ cung cấp nước của tổ chức hợp tác dùng nước.

Tổ chức hợp tác dùng nước thỏa thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng nước về phí dịch vụ lấy nước nhưng không được vượt quá 150.000 đồng/ha/vụ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. UBND cấp huyện, các đơn vị quản lý, khai thác các công trình thủy lợi

- Chỉ đạo, thực hiện việc phục vụ đầy đủ, kịp thời đúng tiến độ về dịch vụ tưới, tiêu nước cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và thực hiện triện để chính sách tiết kiệm nước.

- Hàng năm UBND cấp huyện; các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc tỉnh tổng hợp lập dự toán kinh phí miễn thủy lợi phí, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính (trước ngày 01 tháng 10 hàng năm) để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Chỉ đạo và thực hiện việc thanh quyết toán kinh phí thủy lợi phí được cấp bù theo đúng quy định của Nhà nước và báo cáo về Sở Tài chính theo quy định.

Điều 7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Hướng dẫn các đơn vị quản lý, khai thác các công trình thủy lợi thực hiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức về quản lý bảo vệ, sử dụng nước, duy tu sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi.

- Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp dự toán cấp bù thủy lợi phí hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Tổ chức kiểm tra việc quản lý, vận hành hệ thống các công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 8. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp phân bổ kinh phí cấp bù thủy lợi phí trong năm do Trung ương cấp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ cho các đơn vị quản lý, khai thác các công trình thủy lợi.

- Chủ trì, tổng hợp kinh phí cấp bù thủy lợi phí được miễn hàng năm của các đơn vị quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh để có văn bản gửi Bộ Tài chính cấp kinh phí kịp thời.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện miễn thu thủy lợi phí và công tác quản lý, sử dụng ngân sách cấp cho đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi và các tổ chức hợp tác dùng nước trên địa bàn tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Nhân